

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-PT

Ngày 22-5-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn; tranh chấp  
về thừa kế và yêu cầu hủy giấy  
chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Đức Châm;

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Xuân Sơn;

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**  
Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2020/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐ-PT ngày 11/3/2020; Thông báo số 45/TB-TA ngày 31/3/2020 chuyển ngày xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐ-PT ngày 29/4/2020; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; cư trú: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Vy Trung Ph, sinh năm 1968; cư trú: Thôn K, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Ông Nguyễn Tài H - Luật sư, Văn phòng Luật sư N - H; Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Vy Thị X, sinh năm 1959; cư trú: Thôn K, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Vy Thị X:* Ông Nguyễn Tài H - Luật sư, Văn phòng luật sư N - H; Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1963; cư trú: Tổ dân Phố T (thôn T), phường D, thị xã M, tỉnh H; vắng mặt.

3. Anh Vy Khánh H, sinh năm 1997; cư trú: Tổ dân Phố T (thôn T), phường D, thị xã M, tỉnh H; vắng mặt.

4. Chị Vy Thị H, sinh năm 1991; cư trú: Thôn L, Phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh Vy Khánh H và chị Vy Thị H:* Bà Vũ Thị L; cư trú: Tổ dân Phố T (thôn T), phường D, thị xã M, tỉnh H; Văn bản ủy quyền ngày 13/8/2019 và 16/8/2019; vắng mặt.

5. Bà Vy Thị Mai T (tên gọi khác: Vy Mai T), sinh năm 1972; cư trú: Thôn K, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Bà Vi Thị T, sinh năm 1978; cư trú: Thôn K, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1966; cư trú: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Anh Vy Trung A, sinh ngày 26/10/2003; cư trú: Thôn K, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Chị Vy Hải Y, sinh ngày 09/9/2007; cư trú: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh Vy Trung A; chị Vy Hải Y:* Ông Vy Trung Ph; cư trú: Thôn K, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và bà Nguyễn Thị H; cư trú: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

10. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C:* Ông Hoàng Đình H - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C; Văn bản ủy quyền ngày 31/7/2019; vắng mặt.

*Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H; bị đơn ông Vy Trung Ph; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Vy Thị X, bà Vi Thị T, bà Vy Thị Mai T.

*Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị H và ông Vy Trung Ph kết hôn với nhau ngày 19/11/2002. Trước khi kết hôn hai người có được tìm hiểu nhau một thời gian ngắn. Ngày 30/6/2003 hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Vy Trung Ph luôn kiểm chuyện đề chửi bới, gây sự, đánh bà Nguyễn Thị H nhiều lần. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng từ năm 2015 đến năm 2017 và thông qua công tác hòa giải vợ chồng quay trở lại đoàn tụ. Đến tháng 10/2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng bà Nguyễn Thị H đã dọn đồ đạc cùng 02 con chuyển ra ngoài sống lý thân từ đó đến nay. Bà Nguyễn Thị H xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau yêu cầu được ly hôn. Ông Vy Trung Ph cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con, con lớn Vy Trung A sinh ngày 26/10/2003; con nhỏ Vy Hải Y, sinh ngày 09/9/2007; khi ly hôn bà Nguyễn Thị H và ông Vy Trung Ph tự thỏa thuận để ông Vy Trung Ph nuôi con lớn Vy Trung A và bà Nguyễn Thị H nuôi con nhỏ Vy Hải Y cho đến khi đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị H khai vợ chồng có 10 thửa đất và một nhà cấp IV (xây năm 2002 trên thửa đất 119), cụ thể: Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 34, diện tích 252m<sup>2</sup>, mục đích đất ở nông thôn; thửa đất số 162, tờ bản đồ số 34, diện tích 1.027m<sup>2</sup>, mục đích đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 124, tờ bản đồ số 34, diện tích 602 m<sup>2</sup> (trong đó đã thu hồi làm đường cao tốc B - L, diện tích 202,2m<sup>2</sup>), còn lại 399,8m<sup>2</sup>, mục đích đất chuyên trồng lúa; thửa đất số 852, tờ bản đồ số 01, diện tích 15.026m<sup>2</sup>, mục đích đất rừng sản xuất; thửa đất số 30, tờ bản đồ số 43, diện tích 141m<sup>2</sup>, mục đích đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 107, tờ bản đồ số 44, diện tích 220 m<sup>2</sup>, mục đích đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 108, tờ bản đồ số 44, diện tích 125m<sup>2</sup>, mục đích đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 67, tờ bản đồ số 43, diện tích 2.387,0m<sup>2</sup>, mục đích đất trồng cây hàng năm khác (năm 2010 vợ chồng đã chuyển nhượng 304m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Văn Q), còn lại là 2.083m<sup>2</sup>; thửa đất số 106, tờ bản đồ số 44, diện tích 238m<sup>2</sup>; thửa đất số 706, tờ bản đồ số 01, diện tích 11.266m<sup>2</sup> (thực tế vợ chồng chỉ quản lý sử dụng 5.396m<sup>2</sup>; còn lại 5.870m<sup>2</sup> là đất của bà Vy Thị Mai T và bà Vi Thị T). Khi ly hôn bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia đôi giá trị tài sản và yêu cầu được quản lý, sử dụng 05 thửa đất là: Thửa số 106; thửa 67; thửa 162; thửa số 30; thửa 108; phần giá trị tài sản cộng lại tính bằng tiền.

Theo ông Vy Trung Ph trình bày: Đối với 10 thửa đất, bao gồm các thửa: 119, 162, 106, 107, 108, 124, 706, 852, 67, 30 đều có nguồn gốc của bố mẹ ông Vy Trung Ph chết để lại, vợ chồng không tạo dựng được thửa đất nào mới nên ông Vy Trung Ph xác định đây không phải là tài sản chung của vợ chồng. Ngoài ra, trong thời gian vợ chồng sống chung với nhau có thuê 01 ki ốt số 24 chợ Đ, để bán hàng; giá trị tiền hàng 300.000.000 đồng; cuối năm 2017 ông Vy Trung Ph nhận tiền giải phóng mặt bằng BOT số tiền 138.000.000 đồng; tiền bồi

thường đường công vụ 18.800.000 đồng; tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề 8.000.000 đồng, tổng số tiền 164.800.000 đồng (800.000 đồng ông Vy Trung Ph giữ lại để tiêu), số tiền 164.000.000 đồng đưa cho bà Nguyễn Thị H cất giữ; 01 ngôi nhà cấp IV xây dựng năm 2002, trên thửa đất số 119, trị giá 84.387.000, đồng. Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 548.387.000 đồng. Khi ly hôn, do ngôi nhà cấp IV xây dựng trên thửa đất số 119, nên ông Vy Trung Ph yêu cầu được quyền sở hữu, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông giá trị chênh lệch tài sản là 189.806.500 đồng

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Vy Thị X, trình bày: Khi còn sống bố mẹ bà X là cụ Vy Văn Q, sinh năm 1927 (chết năm 1982) và cụ Nguyễn Thị M, sinh năm 1930 (chết năm 2016), có 04 người con, gồm bà Vy Thị X sinh năm 1959; ông Vy Trung Ph sinh năm 1968; ông Vy Minh T (tức Vi Văn T, sinh năm 1964 chết năm 2015, vợ bà Vũ Thị L và 02 người con Vy Thị H và Vy Khánh H); ông Vy Văn H, sinh năm 1971 (chết năm 1975). Khi còn sống các cụ tạo lập được nhiều thửa đất, hiện còn 10 thửa, gồm thửa số: 119, 162, 106, 107, 108, 706, 852, 124, 67, 30 là các thửa đất bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia khi ly hôn. Toàn bộ các thửa đất trên là di sản của cụ Nguyễn Thị M; khi chết không để lại di chúc, khi cụ Nguyễn Thị M còn sống vợ chồng ông Vy Trung Ph tự ý kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được sự đồng ý bằng văn bản của cụ Nguyễn Thị M. Do đó, bà Vy Thị X yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông Vy Trung Ph và bà Nguyễn Thị H công nhận 10 thửa đất trên là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M chết để lại và yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của bà Vũ Thị L, trình bày: Bà là vợ của ông Vy Minh T (Vi Văn T); là mẹ đẻ của anh Vy Khánh H, chị Vy Thị H được anh Vy Khánh H, chị Vy Thị H ủy quyền tham gia tố tụng. Ngày 18/11/2019 chị Vy Thị H có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập, từ chối nhận di sản và để tặng cho phần di sản thừa kế cho bà Vy Thị X, ông Vy Trung Ph được hưởng.

Bà Vy Thị Mai T và bà Vi Thị T trình bày: Thửa đất gia đình bà Vy Thị Mai T và bà Vi Thị T đang quản lý và sử dụng tại Thào Rào, thôn K, xã Q, huyện C bị hộ gia đình ông Vy Trung Ph đăng ký kê khai quyền sử dụng đất cấp chồng lấn một phần lên diện tích đất của thửa số 706, tờ bản đồ số 01 của hộ ông Vy Trung Ph, bà Nguyễn Thị H, cụ thể: Theo GCNQSDĐ của hộ ông Vy Trung Ph thửa đất số 706, tờ bản đồ số 01, diện tích 11.266m<sup>2</sup>, nhưng thực tế vợ chồng ông Vy Trung Ph chỉ quản lý, sử dụng 5.396m<sup>2</sup> (diện tích đất còn lại 5.870m<sup>2</sup> do bà Vy Thị Mai T và bà Vi Thị T quản lý, sử dụng); đất có ranh giới rõ ràng, hai bên sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Do vậy, bà Vy Thị Mai T, bà Vi Thị T yêu cầu vợ chồng ông Vy Trung Ph đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh lại GCNQSDĐ quyền sử dụng đất cho phù hợp với thực tế diện tích 5.396m<sup>2</sup> đất đang quản lý, sử dụng.

Tại Bản án số 15/2019/HNGĐ-ST ngày 28-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 55; 33; 59; 61; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Các Điều 209, 212, 213, 357, 612, 613, 649, 650, 651, 652 của Bộ luật Dân sự. Khoản 5 Điều 113 Luật Đất đai năm 2003. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 5, 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Vy Trung Ph.

**2. Về con chung:** Bà Nguyễn Thị H và ông Vy Trung Ph có 02 người con chung, con lớn Vy Trung A sinh ngày 26/10/2003; con nhỏ Vy Hải Y sinh ngày 09/9/2007.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con nhỏ Vy Hải Y, sinh ngày 09/9/2007 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Vy Trung Ph được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con lớn Vy Trung A, sinh ngày 26/10/2003 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

**3. Về chia tài sản chung:** Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

**3.1.** Chia cho bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng 02 thửa đất địa chỉ tại Thôn K, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, gồm: Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 44, bản đồ địa chính xã Q năm 2004 và thửa đất số 67, tờ bản đồ số 43, bản đồ địa chính xã Q năm 2004 và số tiền 164.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tư triệu đồng). (Có sơ họa kèm theo)

**3.2.** Chia cho ông Vy Trung Ph được quyền quản lý, sử dụng 05 thửa đất địa chỉ tại Thôn K, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (trong đó có 1/3 diện tích là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M), gồm: Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 34, bản đồ địa chính xã Q; thửa đất số 162, tờ bản đồ số 34, bản đồ địa chính xã Q; thửa đất số 124, tờ bản đồ số 34, bản đồ địa chính xã Q (diện tích còn lại 399,8m<sup>2</sup>); thửa đất số 852, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã Q; thửa đất số 706, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã Q (diện tích còn lại 5.396m<sup>2</sup>). Chia cho ông Vy Trung Ph được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp IV xây dựng năm 2002 trên diện tích thửa đất số 119, tờ bản đồ số 34, chi tiết cụ thể theo mô tả tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/10/2019. (Có sơ họa kèm theo)

**3.3.** Ông Vy Trung Ph có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch được chia cho bà Nguyễn Thị H, số tiền 4.449.500 đồng (bốn triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng).

**4. Về yêu cầu độc lập:** Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Vy Thị X, cụ thể: Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M, là 1/3 diện tích của 07 thửa

đất, sau: Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 34; thửa đất số 162, tờ bản đồ số 34; thửa đất số 124, tờ bản đồ số 34; thửa đất số 852, tờ bản đồ số 01; thửa đất số 67, tờ bản đồ số 43; thửa đất số 106, tờ bản đồ số 44; thửa đất số 706, tờ bản đồ số 01 và 03 thửa đất: Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 43; thửa đất số 107, tờ bản đồ số 44; thửa đất số 108, tờ bản đồ số 44. Có tổng giá trị 660.096.000 đồng đồng (sáu trăm sáu mươi triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Ông Vy Trung Ph được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M và có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch được chia cho bà Vy Thị X, số tiền 330.048.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Vy Thị X.

**5.** Công nhận sự tự nguyện của những người thừa kế thế vị tặng cho bà Vy Thị X, ông Vy Trung Ph hưởng phần thừa kế được chia.

**6.** Về nghĩa vụ chậm trả tiền: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**7.** Đình chỉ giải quyết:

**7.1.** Đình chỉ giải quyết toàn bộ yêu cầu độc lập của chị Vy Thị H. Trả lại cho chị Vy Thị H 1.540.000 đồng (một triệu, năm trăm, bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/04988 ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

**7.2.** Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vy Trung Ph. Trả lại cho ông Vy Trung Ph 1.540.000 đồng (một triệu, năm trăm, bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/04991 ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

**7.3.** Đình chỉ giải quyết chia tài sản chung đối với thửa đất số 68, tờ bản đồ số 43; đình chỉ giải quyết chia tài sản chung đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 44.

**8.** Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 6.000.000 đồng; xác nhận bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ số tiền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật quy định ngày 12/12/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc chia tài sản

chung của vợ chồng: Yêu cầu được quản lý, sử dụng 05 thửa đất là: Thửa số 106; thửa 67; thửa 162; thửa số 30; thửa 108; yêu cầu xác định 02 con của bà được hưởng quyền lợi đối với 10 thửa đất; không xem xét giải quyết số tiền 164.000.000,đ (một trăm sáu mươi tư triệu đồng).

Ngày 10/12/2019 ông Vy Trung Ph kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc chia tài sản chung của vợ chồng và kháng cáo bổ sung đề ngày 22/12/2019: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn giải quyết bác toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị H, buộc bà Hợp phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng.

Ngày 10/12/2019 bà Vy Thị X là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập kháng cáo và kháng cáo bổ sung đề ngày 22/12/2019: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn giải quyết bác toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị H, buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng.

Ngày 12/12/2019 bà Vi Thị T và bà Vy Thị Mai T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo một phần bản án hôn nhân và gia đình: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 706, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã Q đã cấp cho hộ ông Vy Trung Ph.

Ngày 12/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/12/2019, kháng nghị Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 15/2019/HNGĐ-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, ngày 12/5/2020 bà Vi Thị T; bà Vy Thị Mai T nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Vy Trung Ph tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng; bà Vy Thị X xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, kháng nghị: Bà H, ông Ph, bà X, bà T, bà T kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng kháng nghị trong thời hạn luật định nên kháng cáo, kháng nghị hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Ngày 29/4/2020 bà Nguyễn Thị H và ông Vy Trung Ph đã thỏa thuận được với nhau về phần tài sản chung vợ chồng, cụ thể: Bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng một phần thửa đất số 67, tờ bản đồ số 43,

bản đồ địa chính xã Q và một phần thửa đất 106 từ bản đồ số 44, bản đồ địa chính xã Q, ký hiệu trên mảnh trích đo địa chính do Công ty cổ phần Trắc địa bản đồ và Môi trường S - Chi nhánh Lạng Sơn lập ngày 18/5/2020 là ABCDH, trong đó diện tích đất thuộc thửa 67 là vị trí 67.1, ký hiệu ABCDEG = 460,4m<sup>2</sup>; diện tích thuộc thửa 106 là vị trí 106.1, ký hiệu HGED = 69,6m<sup>2</sup>. Trên đất có 01 cây mít, 01 cây lát, 02 cây xoài, 01 cây khế, 01 cây gạo và 01 ngôi nhà trình tường cấp 4 mái lợp prôximăng đã hư hỏng. Bà Nguyễn Thị H, ông Vy Trung Ph thỏa thuận, ông Vy Trung Ph có trách nhiệm di dời cây trên đất, tháo dỡ nhà trả mặt bằng cho bà Hợp.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Bà Vy Thị Mai T, Vi Thị T và bà Vy Thị X. Tại cấp phúc thẩm, ngày 12/5/2020 bà Vy Thị Mai T, bà Vi Thị T có đơn xin rút kháng cáo đề tự đi thực hiện thủ tục điều chỉnh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 706 giữa gia đình các bà và gia đình ông Vy Trung Ph. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Vy Thị X rút kháng cáo, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về giải quyết yêu cầu chia thừa kế.

- Về kháng nghị: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án có vi phạm trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ, dẫn đến việc chia tài sản chung, chia thừa kế chưa đảm bảo. Thửa đất số 67, diện tích 2.387m<sup>2</sup>, từ bản đồ số 43, bản đồ địa chính xã Q, năm 2010 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Q 304m<sup>2</sup>, còn lại là 2.083m<sup>2</sup>; thửa đất số 706, diện tích 11.266m<sup>2</sup>, từ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã Q, thực tế vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Vy Trung Ph quản lý sử dụng 5.396m<sup>2</sup>, diện tích đất còn lại do bà Vy Thị Mai T và bà Vi Thị T quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định rõ diện tích, vị trí của hai thửa đất nêu trên phần nào đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Q; phần nào của bà Vy Thị Mai T, bà Vi Thị T quản lý, sử dụng đã quyết định bà Nguyễn Thị H được quản lý, sử dụng thửa 67, ông Vy Trung Ph quản lý, sử dụng thửa 706, đồng thời không tuyên nghĩa vụ của các đương sự trong việc điều chỉnh, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa đầy đủ, khó khăn cho việc thi hành bản án.

Ngoài ra, bản án áp dụng căn cứ tính án phí không đúng, dẫn đến xác định sai số tiền án phí, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã có Thông báo sửa chữa bổ sung phần án phí nhưng việc sửa chữa, bổ sung không đúng quy định tại Điều 268 BLTTDS, không thể hiện có sự tham gia của các thành viên Hội đồng xét xử cùng sửa chữa, bổ sung bản án. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng kháng nghị bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 15/2019/HNGĐ-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng theo thủ tục phúc thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H và ông Vy Trung Ph đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo đã rút kháng cáo nên xét thấy không cần thiết hủy bản án sơ thẩm mà chỉ cần sửa bản án sơ thẩm, điều chỉnh thông tin thửa đất số 67 đối với phần biến động chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Q, tuyên nghĩa vụ của các đương sự



trong việc điều chỉnh, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo việc thi hành án và sửa về án phí.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 5, Điều 300, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 312 BLTTDS xử chấp nhận nội dung kháng nghị nêu trên của Viện kiểm sát; đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; công nhận thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Kháng cáo của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H; bị đơn ông Vy Trung Ph; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Vy Thị X và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị T và bà Vy Thị Mai T viết trong thời hạn luật định nên là hợp lệ.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; đã có lời khai, bản tự khai hoặc ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng. Theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Vy Trung Ph; thấy: Nguồn gốc đất đai vợ chồng đang quản lý, sử dụng đều có nguồn gốc là của bố mẹ ông Vy Trung Ph chết để lại. Tại thời điểm đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có 07 thửa đất, là các thửa số 119, 106, 162, 706, 852, 124, 67 khi cấp cụ Nguyễn Thị M (mẹ đẻ ông Vy Trung Ph) còn sống và ở chung với vợ chồng ông Vy Trung Ph, khi vợ chồng đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, cụ Nguyễn Thị M biết nhưng không có ý kiến gì, nên xác định 07 thửa đất trên là tài sản chung của vợ chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng không tạo dựng thêm được thửa đất mới nào, chỉ có công sức trông coi, quản lý, khai thác và hưởng lợi. Khi chia tài sản chung vợ chồng cấp sơ thẩm xác định theo sổ hộ khẩu có 03 lao động chính, các con của ông Vy Trung Ph còn nhỏ không có công sức đóng góp nên chia 03 phần (trong đó 02 phần là của vợ chồng; 01 phần là di sản của cụ Nguyễn Thị M). Còn lại 03 thửa đất là các thửa số 30, 107, 108, năm 2017 mới đi đăng ký kê khai và được cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Vy Trung Ph (sau khi cụ Nguyễn Thị M chết), cấp sơ thẩm xác định là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M.

[4] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 17/10/2019, xác định 07 thửa đất, gồm: Thửa số 119, 106, 162, 706, 852, 124, 67 trị giá: 1.901.558.000 đồng; 03 thửa số: 30, 107, 108 trị giá: 26.244.000 đồng. Tổng trị giá của 10 thửa đất là: 1.927.802.000 đồng; giá trị tài sản trên đất (nhà cấp IV): 84.387.000, đồng. Tổng cộng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: 2.012.189.000 đồng (hai tỷ không trăm mười hai triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng).

[5] Ngoài các tài sản trên, theo lời khai của ông Vy Trung Ph trong thời gian vợ chồng sống chung với nhau, vợ chồng còn một quầy hàng tạp hóa, ki ốt số ..., chợ Đ, huyện C, trị giá 300.000.000 đồng, nhưng không không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không được cấp sơ thẩm chấp nhận; 164.000.000 đồng tiền đền bù giải phóng mặt bằng, ông Vy Trung Ph khai đưa cho bà Nguyễn Thị H quản lý, tại cấp sơ thẩm bà Nguyễn Thị H đã khai chi tiêu mua bàn ghế, xây tường bao, làm sân bê tông, trả tiền cây giống, mua xe đạp điện cho con, còn lại chi tiêu sinh hoạt gia đình hết. Tuy nhiên chưa được cấp sơ thẩm xác minh làm rõ. Tại cấp phúc thẩm bà Nguyễn Thị H có cung cấp một số chứng từ, xác nhận đã chi tiêu hết số tiền trên nên xét thấy, có căn cứ để xác nhận đã chi tiêu hết số tiền 164.000.000 đồng, hiện không còn để xem xét đưa vào chia tài sản chung của vợ chồng.

[6] Do vậy, xác định tài sản chung của vợ chồng gồm 2/3 giá trị của 07 thửa đất là:  $1.901.558.000 \text{ đồng} : 3 = 633.852.000 \times 2 = 1.267.704.000 \text{ đồng}$ ; giá trị tài sản nhà cấp 4 là: 84.387.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là:  $1.267.704.000 \text{ đồng} + 84.387.000 \text{ đồng} = 1.352.091.000 \text{ đồng}$  (một tỷ ba trăm năm mươi hai triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng).

[7] Về di sản thừa kế: Cấp sơ thẩm xác định bao gồm 1/3 giá trị còn lại của 07 thửa đất số 119, 106, 162, 706, 852, 124, 67 trị giá là: 633.852.000 đồng và giá trị của 03 thửa đất số 30, 107, 108 trị giá: 26.244.000 đồng. Tổng trị giá tài sản của cụ Nguyễn Thị M chết để lại là: 660.096.000 đồng (sáu trăm sáu mươi triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị H và ông Vy Trung Ph tự thỏa thuận về việc chia tài sản chung của vợ chồng; cụ thể: Bà Nguyễn Thị H được quản lý, sử dụng 15m đất giáp ranh với mặt đường bê tông; mốc ranh giới tính từ phần giáp ranh với thửa đất chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Q giáp đường bê tông chạy dọc theo mép đường bê tông hết thửa đất số 67, sang một phần đất của thửa 106, đủ 15m mặt đường; kéo thẳng vuông góc về phía sau qua thửa 106 đến hết đất của thửa số 67, được thể hiện trên sơ họa thửa đất ABCDHG, tổng diện tích  $530\text{m}^2$  (Trong đó thửa  $69,6\text{m}^2$  thuộc thửa 106 ký hiệu DHGE là đất ở nông thôn, trị giá là  $2.000.000 \text{ đồng}/01\text{m}^2$  và  $460,4\text{m}^2$  thuộc thửa 67, ký hiệu ABCDEG là đất trồng cây hàng năm, trị giá  $54.000 \text{ đồng}/01\text{m}^2$ ). Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị H được chia là 164.061.600 đồng (một trăm sáu mươi tư triệu không trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng).

[9] Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà trình tường cấp 4, mái lợp pơ rô xi măng đã hư hỏng; 01 cây mít; 01 cây khế; 02 cây soài; 01 cây lát; 01 cây gạo hai bên đường sự tự thỏa thuận ông Vy Trung Ph được quyền sở hữu và có nghĩa vụ tháo dỡ ngôi nhà, di dời đi tài sản, cây trồng đi nơi khác để trả lại diện tích đất cho bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng.

[10] Các tài sản khác còn lại ông Vy Trung Ph được quyền quản lý, sử dụng, bao gồm: Thửa số: số: 119; 162; 107; 108; 124; 706; 852; 30 và phần diện tích đất còn lại của thửa số 67; 106 và quyền sở hữu các tài sản công trình xây

dựng, cây trồng có trên đất. Tổng giá trị tài sản ông Vy Trung Ph được chia là 1.352.091.000 đồng - 164.061.600 đồng = 1.188.029.400 đồng (một tỷ một trăm tám mươi tám triệu không trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm đồng).

[11] Đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Tại phiên tòa phúc thẩm bà Vy Thị X rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét thấy, việc rút yêu cầu kháng cáo của bà Vy Thị X là tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[12] Đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bà Vy Thị Mai T và bà Vi Thị T nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo để tự thực hiện thủ tục điều chỉnh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Xét thấy, việc rút kháng cáo của bà Vy Thị Mai T và bà Vi Thị T là tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với khoản 2 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Vy Thị Mai T và bà Vi Thị T.

[13] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Về chi phí xem xét thẩm định tại cấp phúc thẩm: Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 5.000.000 đồng; xác nhận nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Vy Trung Ph đã nộp đủ số tiền trên.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được xác định lại; nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; bà Nguyễn Thị H được chia 530m<sup>2</sup> đất, tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng là 164.061.600 đồng, nên phải chịu án phí giá ngạch chia tài sản 8.203.000 đồng (tám triệu hai trăm không ba nghìn đồng). Ông Vy Trung Ph được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất số: 119; 162; 107; 108; 124; 706; 852; 30; một phần diện tích đất còn lại của thửa số 67; 106 và quyền sở hữu các tài sản, công trình xây dựng, cây trồng trên đất, tổng giá trị là 1.188.029.400 đồng, nên phải chịu tiền án phí giá ngạch là: 47.640.000 đồng và án phí giá ngạch chia di sản thừa kế được hưởng trị giá là 330.048.000 đồng x 5% = 16.502.000 đồng. Tổng cộng là 64.142.000 đồng (sáu mươi tư triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

[16] Về án phí phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do sửa bản sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo liên quan đến phần bản án, quyết định phải sửa là ông Vy Trung Ph, bà Nguyễn Thị H, bà Vy Thị Mai

T, bà Vi Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông Vy Trung Ph, bà Nguyễn Thị H, bà Vy Thị Mai T, bà Vi Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

[17] Các phần quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 15/2019/HNGĐ-ST ngày 28-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 148; khoản 3 Điều 157; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 289; của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 55; 33; 59; 61; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Các Điều 209, 212, 213, 357, 468, 612, 613, 649, 650, 651, 652 của Bộ luật Dân sự. Khoản 5 Điều 113 Luật Đất đai năm 2003; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự tự thỏa thuận của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Vy Trung Ph về việc chia tài sản chung của vợ chồng, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng 530m<sup>2</sup> đất (trong đó thửa 69,6m<sup>2</sup>, thuộc thửa 106, tờ bản đồ số 44 và 460,4m<sup>2</sup>, thuộc thửa 67, tờ bản đồ số 43), ký hiệu trên mảnh trích đo ABCDHG; Phía Đông giáp với thửa đất của ông Nguyễn Văn Q, phía Tây tiếp giáp với phần diện tích đất còn lại của thửa 106 và thửa 67 của ông Vy Trung Ph, phía Nam tiếp giáp thửa 706 của ông Vy Trung Ph, phía Bắc giáp đường bê tông; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị H được chia là 164.061.600 đồng. (*Kèm theo Trích đo khu đất*).

Buộc ông Vy Trung Phương có nghĩa vụ phải tháo dỡ, di dời 01 ngôi nhà trình tường cấp 4, mái lợp pờ rô xi măng đã hư hỏng; 01 mít; 02 soài; 01 cây lát; 01 cây khế; 01 cây gạo đi nơi khác, trả lại 530m<sup>2</sup> đất cho bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng.

Ông Vy Trung Ph được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất số: 119; 162; 107; 108; 124; 706; 852; 30; một phần diện tích đất còn lại của thửa số 67; 106 và quyền sở hữu các tài sản, công trình xây dựng, cây trồng có trên các thửa đất. Tổng giá trị tài sản là 1.188.029.400 đồng (một tỷ một trăm tám mươi tám triệu không trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị H và ông Vy Trung Phương có quyền và nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký kê khai lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu độc lập của bà Vy Thị X. Do bà Vy Thị X rút kháng cáo.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 706, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã Q, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn của bà Vy Thị Mai T và bà Vi Thị T. Do bà Vy Thị Mai T và bà Vi Thị T rút kháng cáo.

4. Về chi phí xem xét thẩm định lại tại cấp phúc thẩm: Tổng số tiền 10.000.000 đồng, cụ thể: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.000.000 đồng; bị đơn ông Vy Trung Ph phải chịu 5.000.000 đồng; xác nhận bà Nguyễn Thị H và ông Vy Trung Ph đã nộp đủ số tiền trên.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí lý hôn sơ thẩm và 8.203.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch chia tài sản, tổng cộng là 8.503.000 đồng; xác nhận bà Nguyễn Thị H đã nộp 16.300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2012/04926 ngày 14/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, sau khi khấu trừ nghĩa vụ nộp; hoàn trả lại số tiền còn lại là 7.797.000 đồng (bảy triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Ông Vy Trung Ph phải chịu 47.640.000 đồng tiền án phí giá ngạch chia tài sản chung của vợ chồng và 16.502.000 đồng tiền án phí giá ngạch chia di sản thừa kế. Tổng cộng là 64.142.000 đồng (sáu mươi tư triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng), sung công quỹ Nhà nước.

Bà Vy Thị X được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm; hoàn trả lại cho bà Vy Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.540.000 đồng (một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2012/04989 ngày 18/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vy Trung Ph, bà Nguyễn Thị H, bà Vy Thị Mai T, bà Vi Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại ông Vy Trung Ph số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/0000302 ngày 30/12/2019; hoàn trả lại bà Nguyễn Thị H 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/0000301 ngày 30/12/2019; hoàn trả lại bà Vy Thị Mai T số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0000300 ngày 30/12/2019; hoàn trả lại bà Vi Thị T số tiền 300.000 đồng, đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000299 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

7. Các phần quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS h. C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người BVQLIHP của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Đức Châm**

